

PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHỈ TIÊU GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI TÍNH THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2023

*PGS.TS. Tăng Văn Khiên**

Tổng sản phẩm trong nước (viết tắt tiếng anh là GDP) bình quân đầu người (BQĐN) là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh khái quát về trình độ phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của nhân dân; GDP BQĐN có trong hệ thống chỉ tiêu Thống kê Quốc gia và trong nhiều năm là một trong những chỉ tiêu thành phần để tính chỉ số phát triển con người (HDI) của một quốc gia hay tỉnh, thành phố. Một trong những nhiệm vụ của Thống kê là phải đi sâu đánh giá, phân tích biến động GDP BQĐN, chỉ ra ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động của chỉ tiêu này làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp để không ngừng nâng cao GDP BQĐN.

Biến động GDP BQĐN chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau và được nhìn nhận từ nhiều khía cạnh khác nhau. Tùy theo mục đích nghiên cứu và điều kiện số liệu khác nhau, ta có thể hình thành lên mối liên hệ giữa các nhân tố khác nhau và áp dụng các mô hình, phương pháp khác nhau để phân tích biến động chỉ tiêu này.

Trong bài báo "Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tăng năng suất lao động và thay

* Hội Thống kê Việt Nam

đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số đến biến động GDP BQĐN của Việt Nam giai đoạn 2011-2020" đăng trên *Tờ Thông tin Khoa học Thống kê* số 05 năm 2022, tác giả đã tiến hành phân tích biến động chỉ tiêu GDP BQĐN theo giá so sánh do ảnh hưởng của hai nhân tố là tăng năng suất lao động theo giá so sánh và thay đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số của Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Tiếp theo trong *Tạp chí Con số & Sự kiện* số 658/kỳ II – 11/2023 tác giả có bài "Thiết lập hệ thống chỉ số để phân tích biến động chỉ tiêu GDP bình quân đầu người theo giá thực tế", tức là có cả ảnh hưởng của yếu tố biến động giá cả. Dưới đây tác giả tiến hành vận dụng hệ thống chỉ số đó để phân tích biến động chỉ tiêu GDP BQĐN theo giá thực tế của Việt Nam giai đoạn 2021-2023.

1. Tính toán GDP BQĐN cùng các chỉ tiêu liên quan và các chỉ số phát triển phục vụ cho yêu cầu phân tích

Từ số liệu về các chỉ tiêu GDP theo giá thực tế (giá hiện hành) và giá so sánh cùng với dân số trung bình và số lao động làm việc của Việt Nam có trong Niên giám Thống kê

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

năm 2022 và Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023 của Tổng cục Thống kê (TCTK), ta có thể tính toán các chỉ tiêu: GDP BQĐN theo giá thực tế, hệ số chênh lệch giữa

giá thực tế và giá so sánh của GDP, năng suất lao động (NSLĐ) theo giá so sánh và tỷ lệ giữa lao động và dân số trung bình của các năm 2020, 2021, 2022 và 2023 như bảng 1.

Bảng 1. Tính toán GDP BQĐN của Việt Nam cùng các chỉ tiêu phân tích nhân tố ở các năm từ 2020 đến 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. GDP theo giá thực tế	Tỷ đồng	8044386	8487476	9548738	10221815
2. GDP theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	5005756	5133589	5550617	5830725
3. Dân số trung bình (D)	1000 ng	97582,7	98504,4	99474,4	100309,2
4. Lao động làm việc (L)	1000 ng	53609,6	49072,0	50604,7	51287,7
5. GDP BQĐN theo giá thực tế (x = 1: 3)	Triệu đồng/ng	82,44	86,16	95,99	101,90
6. Chênh lệch giá thực tế và giá so sánh (h = 1: 2)	Lần	1,6070	1,6533	1,7203	1,7531
7. NSLĐ theo giá so sánh (w = 2: 4)	Triệu đồng/ng	93,37	104,61	109,69	113,69
8. Tỷ lệ giữa lao động và dân số (k = 4 : 5)	%	54,94	49,82	50,87	51,13

Từ số liệu ở bảng 01, tiếp tục lập bảng 2 để tính toán chỉ số phát triển (CSPT) của các chỉ tiêu liên quan phục vụ cho yêu cầu phân tích biến động GDP BQĐN theo giá thực tế.

Bảng 2. Tính toán CSPT của các chỉ tiêu liên quan phục vụ phân tích biến động GDP BQĐN

Năm	Các chỉ tiêu				Chỉ số phát triển theo các chỉ tiêu (Lần)			
	GDP BQĐN Giá tt (x-tr.đ/ng)	Chênh lệch giá tt và ss (h-lần)	NSLĐ Giá ss (w-tr.đ/ng)	Tỷ lệ LĐ so DS (k-%)	GDP BQĐN (I_x)	Giá cả (I_h)	NSLĐ (I_w)	Tỷ lệ LĐ và DS (I_k)
A	1	2	3	4	5	6	7	8
2020	82,44	1,6070	93,37	54,94	x	x	x	x
2021	86,16	1,6533	104,61	49,82	1,0451	1,0288	1,1204	0,9068
2022	95,99	1,7203	109,69	50,87	1,1141	1,0405	1,0486	1,0211
2023	101,90	1,7531	113,69	51,13	1,0616	1,0191	1,0365	1,0051
BQ 21-23	x	x	x	x	1,0732	1,0294	1,0678	0,9763

Ghi chú : Cột 1,2,3 và 4 lấy từ số liệu đã tính từ bảng 01.

Cột 5,6,7 và 8 của năm nghiên cứu bằng số liệu năm nghiên cứu chia cho số liệu năm trước liền kề ở các cột 1,2,3 và 4 của bảng.

2. Tính toán và phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động GDP BQĐN theo giá thực tế của Việt Nam giai đoạn 2021 – 2023

Từ số liệu ở bảng 02, áp dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động chỉ tiêu GDP BQĐN theo giá thực tế đăng ở số 658/kỳ II - 11/2023 (trang 34- 36) Tạp chí Con số & Sự kiện, ta tiến hành tính tốc độ tăng chung cũng như tính tỷ lệ và tỷ trọng đóng góp của các nhân tố vào tốc độ tăng GDP BQĐN theo giá thực tế giai đoạn 2021-2023 như sau:

a. Tính cho năm 2021:

* Tỷ lệ tăng GDP BQĐN theo giá thực tế:

- Tỷ lệ tăng GDP BQĐN nói chung (I_y):

$$I_y = 1,0451 - 1,0000 = 0,0451 \text{ hoặc } 4,51\%;$$

- Tỷ lệ tăng GDP BQĐN do tăng giá [$I_y(h)$]:

$$I_y(h) = 1,0451 - (1,1204 \cdot 0,9068) = 0,0291 \text{ hoặc } 2,91\%;$$

- Tỷ lệ tăng GDP BQĐN do tăng năng suất lao động [$I_y(w)$]:

$$I_y(w) = (1,1204 \cdot 0,9068) - 0,9068 = 0,1092 \text{ hoặc } 10,92\%;$$

Bảng 3. Tỷ lệ tăng và tỷ trọng đóng góp của các nhân tố vào tốc độ tăng GDP BQĐN theo giá thực tế của Việt Nam giai đoạn 2021-2023 (Đơn vị tính %)

Năm	Tốc độ tăng GDP BQĐN - I_x	Tỉ lệ tăng GDP BQĐN do:			Tỉ trọng đóng góp vào tăng GDP BQĐN do:		
		Tăng giá cả - $I_x(h)$	Tăng NSLĐ - $I_x(w)$	Thay đổi tỉ lệ LĐ/DS - $I_x(k)$	Tăng giá cả (d_h)	Tăng NSLĐ (d_w)	Thay đổi tỉ lệ LĐ/DS (d_k)
A	1	2	3	4	5	6	7
2021	4,51	2,91	10,92	-9,32	64,52	242,13	-206,65
2022	11,41	4,34	4,96	2,11	38,04	43,47	18,49
2023	6,16	1,98	3,67	0,51	32,14	59,58	8,28
BQ: 21-23	7,32	3,07	6,62	-2,37	41,94	90,44	-32,38

Ghi chú: $Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4$ và $Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 = 100$.

- Tỷ lệ tăng GDP BQĐN do thay đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số [$I_y(k)$]:

$$I_y(k) = 0,9068 - 1,0000 = - 0,0932 \text{ hoặc } - 9,32\%.$$

* Tỷ trọng đóng góp của các nhân tố vào tăng GDP BQĐN theo giá thực tế:

- Tỷ trọng đóng góp do tăng giá (d_h):

$$d_h = 2,91 : 4,51 \cdot 100 = 64,52\%;$$

- Tỷ trọng đóng góp do tăng năng suất lao động (d_w):

$$d_w = 10,92 : 4,51 \cdot 100 = 242,13\%;$$

- Tỷ trọng đóng góp do thay đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số (d_k):

$$d_k = - 9,32 : 4,51 \cdot 100 = - 206,65\%;$$

b. Tính cho các năm còn lại và bình quân năm giai đoạn 2021 - 2023

Bằng cách tương tự ta sẽ tính được tốc độ tăng chung cũng như tỷ lệ tăng lên và tỷ trọng đóng góp của các nhân tố vào tốc độ tăng GDP BQĐN theo giá thực tế của Việt Nam các năm còn lại và bình quân năm giai đoạn 2021 - 2023. Kết quả tính toán được hệ thống ở bảng 3.

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

Số liệu bảng 3 chỉ ra rằng: GDP BQĐN theo giá thực tế của Việt Nam từ năm 2021 đến 2023 liên tục tăng lên, trong đó năm 2022 tăng cao nhất (tăng 11,41%), sau đến năm 2023 (tăng 6,16%) và tăng thấp nhất là năm 2021 (tăng 4,51%). Bình quân năm cả giai đoạn 2021-2023 GDP BQĐN theo giá thực tế tăng 7,32%. Nếu loại trừ ảnh hưởng của biến động giá cả, tức là GDP BQĐN tính theo giá so sánh thì chỉ tiêu này qua các năm nói trên vẫn đều tăng lên.

Xét theo yếu tố ảnh hưởng đến biến động GDP BQĐN theo giá thực tế cho thấy:

- Biến động giá của cả 3 năm đều tăng lên và làm tăng GDP BQĐN (có tỷ lệ tăng lên và tỷ trọng đóng góp mang dấu dương); trong đó năm 2021 làm tăng 2,91%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 64,52%; năm 2022 làm tăng 4,34%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 38,04% và năm 2023 làm tăng 1,98%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 32,14%. Bình quân năm giai đoạn 2021-2023 tăng giá làm tăng GDP BQĐN là 3,07%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 41,94% (cả tỷ lệ tăng lên và tỷ trọng đóng góp của tăng giá đều đứng vị trí thứ hai).

- Năng suất lao động theo giá so sánh cả 3 năm cũng đều tăng lên và làm tăng GDP BQĐN: trong đó năm 2021 làm tăng 10,92%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 242,13% (năm 2021 mặc dù GDP tăng không cao nhưng do lao động làm việc giảm sâu nên NSLĐ tăng cao và có tỷ trọng đóng góp rất lớn); năm 2022 làm tăng 4,96%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 43,47% và năm 2023 làm tăng 3,67%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 59,58%. Bình quân năm giai

đoạn 2021-2023 tăng NSLĐ làm tăng GDP BQĐN là 6,62%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 90,44% (cả tỷ lệ tăng lên và tỷ trọng đóng góp của tăng NSLĐ đều đứng vị trí thứ nhất).

- Tỷ lệ giữa lao động làm việc và dân số năm 2021 giảm mạnh (do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19) nên đã làm giảm tốc độ tăng GDP BQĐN là - 9,32%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm là - 206,65%; đến năm 2022 tỷ lệ giữa lao động làm việc và dân số tăng lên và làm tăng GDP BQĐN là 2,11%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 18,49% và năm 2023 tiếp tục làm tăng nhưng chỉ ở mức 0,51%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp là 8,28%. Bình quân năm giai đoạn 2021-2023 thay đổi tỷ lệ giữa lao động làm việc và dân số còn làm giảm GDP BQĐN là - 2,37%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm là -32,38% (cả tỷ lệ tăng lên và tỷ trọng đóng góp của thay đổi tỷ lệ giữa lao động làm việc và dân số tất nhiên là ở vị trí thứ ba).

Tóm lại: GDP BQĐN theo giá thực tế của Việt Nam từ năm 2021 đến 2023 liên tục tăng lên và có mức tăng đáng kể, trong đó chủ yếu là do tăng NSLĐ và một phần do tăng giá, còn thay đổi tỷ lệ giữa lao động làm việc và dân số có năm làm tăng, năm làm giảm, nhưng bình quân chung cả 3 năm vẫn làm giảm vì năm 2021 giảm quá mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Tăng Văn Khiên (2015), *Phân tích thống kê – Lý thuyết và ứng dụng*, NXB Thống kê, Hà Nội;

(Xem tiếp trang 33)

(Tiếp theo trang 4)

2. PGS. TS. Tăng Văn Khiên (2022), “Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tăng năng suất lao động và thay đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số đến biến động GDP bình quân đầu người của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2019”, *Thông tin Khoa học Thống kê, số 05 năm 2022*;

3. PGS. TS. Tăng Văn Khiên (2022), “Thiết lập hệ thống chỉ số để phân tích biến

động chỉ tiêu GDP bình quân đầu người theo giá thực tế”, *Tạp chí Con số & Sự kiên số 658/kỳ II – 11/2023*;

4. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám Thống kê năm 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội;

5. Tổng cục Thống kê (2023), *Báo cáo Tình hình Kinh tế - Xã hội quý IV và năm 2023*.